

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2021/QĐST-DS

*Tam Bình, ngày 06 tháng 5 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 237/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa:**

- *Nguyên đơn*: Ông Bùi Q, sinh năm 1942

Địa chỉ: Ấp P1, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi P2, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp P1, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: 1. Ông Bùi H, sinh năm 1968

2. Bà Lương T1, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Ấp P1, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1. Ông Bùi P2, sinh năm 1977

2. Bà Mai T2, sinh năm 1944

3. Bà Nguyễn V, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Ấp P1, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

4. Anh Bùi N, sinh năm 1992

5. Chị Bùi L, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: Ấp P1, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Phía nguyên đơn ông Q có ông P2 là đại diện cùng với bị đơn ông H, bà T1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh P2 cùng có yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên đối với thửa đất 719 (mới 73), tờ bản đồ số 1 (mới 9), diện tích 3.060 (mới 3.062,4m<sup>2</sup>), hiện do hộ ông Bùi H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.2 Các bên yêu cầu Tòa án ghi nhận thỏa thuận như sau: Hộ ông H, bà T1 thống nhất giao phần đất hiện do hộ ông Bùi H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng tại thửa đất 719 (mới 73), tờ bản đồ số 1 (mới 9), diện tích 3.060 (mới 3.062,4m<sup>2</sup>), từ các mốc số 1,2,3,4,5,6,1 đất theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, ngày 29 tháng 5 năm 2020, do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T thi công cho ông Bùi Q sở hữu và đứng tên quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2.3 Đối với các phần đất tranh chấp tại thửa 769 do ông Q đứng tên quyền sử dụng đất và thửa số 4 do ông P2 đứng tên quyền sử dụng đất thì các bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

+ Ông P2 và ông Q có ông P2 đại diện theo ủy quyền thống nhất giao phần đất có mốc số 1,2,3,4,5,1 thửa 55 (772 + tách 769 + tách 771) diện tích là 4.390,7m<sup>2</sup> theo kết quả khảo sát đo đạc ngày 19/4/2021 cho phía ông Bùi H, bà Lương T được quyền sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

+ Ông P2 đồng ý giao phần đất có mốc số 1,2,3,4,24,23,22,21,20,1 thửa 4-1 diện tích là 330,9m<sup>2</sup> theo kết quả khảo sát đo đạc ngày 19/4/2021 cho phía ông Bùi H2, bà Lương T được quyền sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Các phần đất trên cùng tọa lạc: Ấp P1, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

*(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất)*

2.4 Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí đã thực hiện là 8.700.000 đồng, các đương sự thống nhất như sau:

+ Ông Q tự nguyện chịu ½ phần chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.350.000 đồng.

+ Ông H, bà T1 tự nguyện chịu ½ phần chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.350.000 đồng. Do ông Q đã nộp tạm ứng phần chi phí này nên ông H, bà T1 có trách nhiệm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T số tiền 4.350.000 đồng để hoàn trả lại cho ông Tươi.

2.5 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.6 Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo biên bản thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì các bên thống nhất giá đất tại thời điểm hiện tại theo giá nhà nước quy định là 60.000 đồng/1m<sup>2</sup>, phần đất các bên tranh chấp có tổng diện tích là 4.721,6 m<sup>2</sup> x 60.000 đồng = 283.296.000 đồng x 2,5% = 7.082.000 đồng. Riêng đối với phần đất các bên yêu cầu Tòa án ghi nhận thỏa thuận thuộc trường hợp án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng. Tổng án phí dân sự sơ thẩm bằng 7.382.400 đồng. Các bên thống nhất thỏa thuận như sau:

+ Ông Q tự nguyện nộp ½ số tiền án phí dân sự sơ thẩm bằng 3.691.200 đồng. Tuy nhiên, do ông Q là người cao tuổi và có đơn yêu cầu được miễn giảm tiền án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Q được miễn nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 3.691.200 đồng.

+ Ông H, bà T1 tự nguyện nộp ½ số tiền án phí dân sự sơ thẩm bằng 3.691.200 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Hồ Kim Liên**